

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CÔNG TY CỔ
PHẦN
SAMETEL
L

CÔNG TY CỔ
PHẦN
SAMETEL
I am the author
of this
document
2026.02.18
01:47:57+07'00'

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

Tầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỷ, Số 4 Quang Trung, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 43



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sametel (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đông Hưng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Huy	Thành viên
Ông Đỗ Tự Cường	Thành viên
Bà Trần Thùy Linh	Thành viên

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên của Ủy ban Kiểm toán trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Đỗ Tự Cường	Chủ tịch
Bà Trần Thị Thùy Linh	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Vũ Thị Phương	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính ;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

023617
CÔNG
TN
KIỂM TOÁN
RSM VI
- CHI P
HÀ
NH PH

00850
CÔNG
CỔ P
AMI

EL CO

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Thị Phương
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 2 năm 2026

Số: 07/2026/RSMHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*V/v: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Sametel***Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sametel****Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sametel (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 43. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

SỨC MẠNH TỬ VIỆC THẤU HIỂU
KIỂM TOÁN | THUẾ | TƯ VẤN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sametel tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh 7.2 "Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính". Ngày 10/08/2025, Công ty Cổ phần Sametel ký hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất và chuyển giao quyền thuê đất tại Khu công nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai cho Công ty TNHH Zhuoyingshe Việt Nam với giá trị chuyển nhượng quyền thuê đất là 60 tỷ đồng (chưa bao gồm VAT), liên quan đến thửa đất số 93 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 00005062 cấp ngày 16/01/2025. Ngày 14/01/2026, Công ty thực hiện thanh lý hợp đồng thuê lại đất với Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành và ngày 15/01/2026 công bố thông tin về việc hoàn tất giao dịch chuyển nhượng.

Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần theo Báo cáo số 492/2025/UHY-BCKT ngày 31/3/2025. Như trình bày tại Thuyết minh số 7.3 "Số liệu so sánh", một số số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính năm hiện hành đã được điều chỉnh hồi tố nhằm phản ánh việc sửa chữa sai sót và ghi nhận khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến các năm trước, phù hợp với các quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính hiện hành.



Lê Đại Dương
Giám đốc Kiểm toán
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
4650-2026-026-1

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, ngày 11 tháng 2 năm 2026

Vũ Tất Ban
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
5110-2025-026-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		83.596.037.605	75.500.876.735
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	13.368.063.339	5.421.901.022
1. Tiền	111		13.368.063.339	5.421.901.022
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		42.638.750.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	4.2	42.688.750.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(50.000.000)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.500.306.132	64.775.772.330
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	24.996.884.612	54.003.727.776
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	431.425.260	11.504.267.660
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.5	468.842.781	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.6	3.575.434.419	1.166.330.826
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.7	(8.972.280.940)	(1.898.553.932)
IV. Hàng tồn kho	140	4.8	-	5.119.790.999
1. Hàng tồn kho	141		-	6.370.220.926
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.250.429.927)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.088.918.134	183.412.384
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	184.307.431	183.412.384
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.18	904.610.703	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.18	6.000.000.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		72.046.881.411	42.147.563.706
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		116.134.640	379.630.195
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.6	116.134.640	379.630.195
II. Tài sản cố định	220		32.164.125.238	38.128.307.450
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	31.816.125.238	36.768.490.852
Nguyên giá	222		48.273.657.626	69.386.617.197
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.457.532.388)	(32.618.126.345)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.11	-	1.011.816.598
Nguyên giá	225		-	3.984.944.715
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(2.973.128.117)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.12	348.000.000	348.000.000
Nguyên giá	228		1.144.108.100	1.144.108.100
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(796.108.100)	(796.108.100)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		29.800.000.000	46.296.296
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.13	29.800.000.000	46.296.296
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.750.000.000	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.14	6.750.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.216.621.533	3.593.329.765
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	3.216.621.533	3.593.329.765
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		155.642.919.016	117.648.440.441

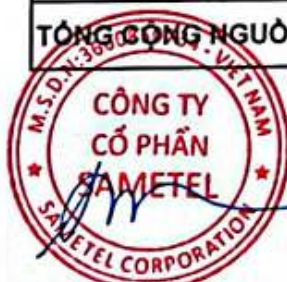
51789
ÔNG
TNH
OÁN &
VIỆT
HI NH
HÀ NH
PHỐ

308
CÔ
CỔ
SA
STE

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025 (Trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		97.396.445.998	50.596.249.498
I. Nợ ngắn hạn	310		94.254.403.979	44.217.214.786
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.15	25.255.218.626	8.730.081.039
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.16	52.252.083.914	1.386.849.611
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.18	265.661.352	5.823.210.761
4. Phải trả người lao động	314		155.535.095	215.655.323
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		12.004.844	33.469.790
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	2.707.499.784	1.749.016.741
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.19	11.830.032.478	24.500.363.635
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.776.367.886	1.778.567.886
II. Nợ dài hạn	330		3.142.042.019	6.379.034.712
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	1.262.490.817
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.19	3.142.042.019	5.116.543.895
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.20	58.246.473.018	67.052.190.943
I. Vốn chủ sở hữu	410		58.246.473.018	67.052.190.943
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		65.607.390.000	54.674.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		65.607.390.000	54.674.320.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	3.816.120.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	6.929.018.235
4. (Lỗ) lũy kế/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(7.360.916.982)	1.632.732.708
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.288.915.057)	555.960.964
- (Lỗ)/LNST chưa phân phối năm nay	421b		(6.072.001.925)	1.076.771.744
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		155.642.919.016	117.648.440.441



Vũ Thị Phương
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 2 năm 2026

Nguyễn Tuyết Phương
Phụ trách kế toán

Nguyễn Tuyết Phương
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	01	5.1	31.138.040.360	98.796.452.837
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	301.583.554
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		31.138.040.360	98.494.869.283
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	33.608.562.999	84.537.090.289
5. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		(2.470.522.639)	13.957.778.994
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	2.605.171.585	48.485.300
7. Chi phí tài chính	22	5.4	5.175.738.020	3.276.164.904
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.353.392.600	3.169.531.717
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	1.356.436.540	2.842.920.415
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	9.682.642.087	4.263.137.182
10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(16.080.167.701)	3.624.041.793
11. Thu nhập khác	31	5.7	12.019.683.404	11.579.701
12. Chi phí khác	32	5.8	2.011.517.628	2.239.433.979
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		10.008.165.776	(2.227.854.278)
14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(6.072.001.925)	1.396.187.515
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	-	319.415.770
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(6.072.001.925)	1.076.771.745
18. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	4.20.4	(1.062)	197
19. (Lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	4.20.4	(1.062)	197



Vũ Thị Phương
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 2 năm 2026

Nguyễn Tuyết Phương
Phụ trách kế toán

Nguyễn Tuyết Phương
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01		(6.072.001.925)	1.396.187.515
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.900.647.780	4.130.973.421
- Các khoản dự phòng	03		5.873.297.081	(2.497.317.171)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(11.809.954.320)	733.125.541
- Chi phí lãi vay	06	5.4	2.353.392.600	3.169.531.717
3. (Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(6.754.618.784)	6.932.501.023
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(41.035.105.871)	8.909.721.504
- Giảm hàng tồn kho	10		6.370.220.926	23.992.037.382
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11		41.564.957.616	(10.173.895.113)
- Giảm chi phí trả trước	12		375.813.185	341.907.886
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		(42.688.750.000)	1.480.166.925
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.374.857.546)	(3.207.183.150)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.18	(2.508.877.385)	(273.302.611)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.200.000)	(11.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(47.053.417.859)	27.990.953.846
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(11.800.000.000)	(55.501.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		86.451.500.000	4.265.370.218
3. Tiền chi cho vay, mua các CCN của đơn vị khác	23		(15.400.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CCN của đơn vị khác	24		16.809.209.028	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.750.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		333.704.181	48.485.300
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		69.644.413.209	4.256.354.518
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.19	102.840.251.857	60.136.610.928
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.19	(116.697.370.353)	(94.299.821.423)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	4.19	(787.714.537)	(1.154.257.466)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(14.644.833.033)	(35.317.507.961)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		7.946.162.317	(3.068.199.597)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	5.421.901.022	8.490.100.619
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	13.368.063.339	5.421.901.022



Vũ Thị Phương
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 2 năm 2026

Phuong
Nguyễn Tuyết Phương
Phụ trách kế toán

Phuong
Nguyễn Tuyết Phương
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sametel (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Vật liệu điện và Viễn thông Sam Cường được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600850734 ngày 20/10/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó 16 lần với lần thay đổi gần đây nhất vào ngày 15/12/2025.

Ngày 30/7/2010, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội. Mã chứng khoán SMT.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 65.607.390.000 VND, chia thành 6.560.739 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Tầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỳ, Số 4 Quang Trung, Phường Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 04 (tại ngày 01/01/2025 là 09).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất và thương mại.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty trong năm là:

- Mua bán, xuất nhập khẩu, đại lý kỹ gửi: thiết bị, nguyên vật liệu điện và viễn thông, hàng kim khí điện máy;
- Sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh như sau:

<u>Tên</u>	<u>Mã số thuế</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh TP. HCM – Công ty CP Sametel	3600850734-003	32 đường D5, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh
Văn phòng đại diện – Công ty CP Sametel	3600850734-001	Lầu 6, Số 31 Đường Số 18, P. Thống Nhất, TP. Hồ Chí Minh
Địa điểm kinh doanh 1 – Công ty CP Sametel	3600850734-005	Lô A3, Đường D1, KCN Cầu Tràm, Ấp Cầu Tràm, Xã Rạch Kiến, Tỉnh Tây Ninh
Địa điểm kinh doanh 2 – Công ty CP Sametel	3600850734-004	Nhà Xưởng+VP 3 và NX 4 tại Công ty TNHH An Thiên Ly, KCN Bàu Xéo, Xã Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai

3617
CÔNG
TY
TỔA
ĐI
CHỈ
HÀ
ĐÔNG
TP
HỒ CHÍ MINH

3617

3617

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, cùng với các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

89.
G 1
HH
I&I
ST
HÀ
NỘ
O
600
CÔ
CỔ
AM
ELC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Các khoản phải thu về cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

2025
Y
JVN
NAM
NH
HÀ N

15073
NG T
PH
METI
ORPO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	<u>Thời gian sử dụng ước tính (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	02 – 20
Phương tiện vận tải	04 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.8 Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất của Công ty. Quyền sử dụng đất không thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.9 Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được coi là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả về thuê tài chính trên Bảng cân đối kế toán theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 Thuê tài sản (tiếp)

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

**Thời gian sử dụng ước tính
(năm)**

Máy móc, thiết bị

04

3.10 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.11 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm: Giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

Đối với các khoản đầu tư khác

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp.

23617
CÔNG
TR
SMV
-CHI
H
ANH

M.S.D.N: 367
S
SAMETEL

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.14 Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của năm đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

39-0
3 T
HH
I&T
ET
NHÀ
\ N
HỒ
3850
ÔNG
Ổ PH
\ ME
2 CO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 Doanh thu, thu nhập khác (tiếp)

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty nhận được khoản lãi từ bên nhận đầu tư

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, và chi phí thanh lý.

3.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán

3.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

3.17 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; Chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí khác,....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Thuế môn bài; Khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách,...).

3.18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

11-C
VĂN
NAM
NH
HA
134-1
i TY
HÀ
TEL
IPORF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.20 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa do Công ty cung cấp theo các mức thuế như sau:

- Bán hàng hóa, bán điện 8% – 10%
- Các dịch vụ khác 5%

Theo Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 và Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 8% cho một số nhóm hàng hóa theo quy định kể từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 31/12/2026.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Công ty được hưởng ưu đãi theo lĩnh vực theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP và Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 đối với các dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch.

Theo đó, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm áp dụng đối với thu nhập thuộc lĩnh vực được ưu đãi nêu trên. Năm 2025 là năm thứ 05 Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10%.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.368.063.339	5.421.901.022
Cộng	13.368.063.339	5.421.901.022

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

Tầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỳ, Số 4 Quang Trung, P. Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**4.2 Chứng khoán kinh doanh**

	Tại ngày 31/12/2025				Tại ngày 01/01/2025			
	Số lượng chứng khoán	Giá gốc (ii)	Giá trị hợp lý (i)	Dự phòng	Số lượng chứng khoán	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu	1.775.000	42.688.750.000	43.898.750.000	(50.000.000)	-	-	-	-
Cổ phiếu SHB	1.625.000	26.618.750.000	26.568.750.000	(50.000.000)	-	-	-	-
Cổ phiếu MWG	100.000	8.270.000.000	8.850.000.000	-	-	-	-	-
Cổ phiếu VIC	50.000	7.800.000.000	8.480.000.000	-	-	-	-	-
Cộng	1.775.000	42.688.750.000	43.898.750.000	(50.000.000)	-	-	-	-

(i) Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh là cổ phiếu được xác định bằng giá đóng cửa trên sàn giao dịch chứng khoán tại 31/12/2025

(ii) Tại ngày 31/12/2025, toàn bộ số cổ phiếu nêu trên đã được sử dụng làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay kỹ quỹ tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Kafi (tham chiếu Thuyết minh 4.19 – "Vay và nợ thuê tài chính").

(iii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 1111/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/1/2025, Công ty được phép thực hiện đầu tư chứng khoán với tổng giá trị đầu tư không vượt quá 70% tổng tài sản của Công ty theo Báo cáo tài chính gần nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu bên liên quan	13.429.323.588	13.050.142.816
Công ty TNHH FAFA Việt Nam	13.050.142.816	13.050.142.816
Công ty TNHH DH Năng lượng	379.180.772	-
Phải thu bên thứ ba	11.567.561.024	40.953.584.960
Công ty TNHH Thiết bị điện Công nghiệp Hoàng Minh	4.861.294.431	18.924.972.293
Công ty TNHH Kỹ thuật Vector Việt Nam	1.863.636.364	16.563.713.827
Công ty CP Xây dựng Công trình Việt Nam	1.507.472.920	1.507.472.920
Ông Hà Sỹ Tình	2.706.133.278	-
Công ty khác	629.024.031	3.957.425.920
Cộng	24.996.884.612	54.003.727.776

4.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Trả trước cho bên liên quan	-	11.200.000.000
Công ty TNHH DH Asset (i)	-	11.200.000.000
Trả trước cho bên thứ ba	431.425.260	304.267.660
Công ty TNHH Nhựa AP	66.449.900	66.449.900
Công ty TNHH Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Kiến Phát	45.000.000	-
Công ty TNHH XNK & Sản xuất Thương mại TNX	52.195.000	52.195.000
Viện Phát triển Quản trị và Công nghệ	50.000.000	50.000.000
Công ty khác	217.780.360	135.622.760
Cộng	431.425.260	11.504.267.660

(i) Khoản trả trước liên quan đến giao dịch chuyển nhượng bất động sản với Công ty TNHH DH Asset: Theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký ngày 18/11/2025 (thay thế cho hợp đồng đặt cọc ngày 27/12/2024 đã hủy ngày 25/6/2025), Công ty thực hiện nhận chuyển nhượng tài sản tại số 31-33 Đường số 18, Phường 8 (nay là Phường Tây Hội), Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh với tổng giá trị là 41,8 tỷ đồng (chưa bao gồm thuế GTGT). Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất được xác định là 29,8 tỷ đồng và giá trị nhà ở trên đất là 12 tỷ đồng. Tính đến ngày 31/12/2025, căn cứ theo lộ trình thanh toán và thực tế thực hiện hợp đồng, số dư công nợ còn phải trả cho đối tác là 20 tỷ đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải thu bên thứ ba Nguyễn Năng An (i)	468.842.781 468.842.781	- -
Cộng	468.842.781	-

(i) Đây là khoản cho vay không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng số 01/SMT-2025 ký ngày 18/03/2025, thời hạn vay 12 tháng với mức lãi suất 6,0%/năm. Về tình hình thu hồi nợ sau ngày khóa sổ kế toán, tại ngày 15/01/2026, Công ty đã thu hồi toàn bộ gốc vay nêu trên, đảm bảo tính thanh khoản và giảm thiểu rủi ro dự phòng nợ phải thu khó đòi.

4.6 Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
<i>Phải thu bên liên quan</i>		
Tạm ứng cho bà Vũ Thị Phương	-	150.000.000
<i>Phải thu bên thứ ba</i>	3.575.434.419	1.016.330.826
Phải thu về bán chứng khoán (i)	2.467.288.779	-
Phải thu lãi dự thu về cho vay	393.415.595	-
Ký cược, ký quỹ	55.545.647	-
Tạm ứng	10.943.760	20.510.800
Thuế GTGT máy móc, thiết bị thuê tài chính	-	142.150.529
Phải thu Công ty CP Dịch vụ Bcons	-	159.184.594
Phải thu khác	648.240.638	694.484.903
Cộng	3.575.434.419	1.166.330.826
Dài hạn		
<i>Phải thu bên thứ ba</i>	116.134.640	379.630.195
Ký cược, ký quỹ (ii)	116.134.640	379.630.195
Cộng	116.134.640	379.630.195

(i) Khoản tiền bán chứng khoán đang chờ thanh toán/bù trừ tại Trung tâm lưu ký chưa về tài khoản của công ty. Tại ngày 06/01/2026, công ty đã nhận được toàn bộ số tiền trên

(ii) Đây là các khoản bảo lãnh bảo hành có thời hạn thực hiện còn lại trên 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

Tầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỳ, Số 4 Quang Trung, P. Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**4.7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	21.911.570.562	13.879.872.092	2.120.540.247	543.528.237
Công ty TNHH Fafa Việt Nam - Bên liên quan	13.050.142.816	9.135.099.971	-	-
Công ty TNHH Thiết bị Điện Công nghiệp Hoàng Minh	4.861.294.431	3.402.906.101	-	-
Công ty CP Xây dựng Công trình Việt Nam	1.507.472.920	-	1.507.472.920	452.241.876
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Du lịch - Các đối tượng khác	2.196.775.606	1.341.866.020	295.884.789	(295.884.789)
			317.182.538	91.286.361
Phải thu khác	662.124.570	-	259.590.422	(259.590.422)
Các đối tượng khác	662.124.570	-	100.405.828	(100.405.828)
Trả trước cho người bán	278.457.900	-	278.457.900	216.506.400
Công ty TNHH Nhựa AP	66.449.900	-	66.449.900	66.449.900
Công ty TNHH XNK & Sản xuất Thương mại TNX	52.195.000	-	52.195.000	52.195.000
Viện Phát triển Quản trị và Công nghệ	50.000.000	-	50.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Khang Gia Hưng	40.000.000	-	40.000.000	40.000.000
Công ty TNHH Cơ khí Cao su Trường Hoa	36.525.500	-	36.525.500	36.525.500
Các đối tượng khác	33.287.500	-	33.287.500	21.336.000
Cộng	22.852.153.032	13.879.872.092	2.658.588.569	760.034.637
				(1.898.553.932)

* H H N *



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.8 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Giá gốc (i)	-	6.370.220.926
Nguyên liệu, vật liệu	-	371.291.205
Thành phẩm	-	120.650.491
Hàng hóa	-	5.878.279.230
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (i)	-	(1.250.429.927)
Hàng hóa	-	(1.250.429.927)
Cộng	-	5.119.790.999

(i) Trong năm, Công ty đã thực hiện mua thêm hàng hóa và kết hợp với số dư đầu kỳ để thực hiện các nghiệp vụ xuất bán và thanh lý, dẫn đến số dư tại ngày 31/12/2025 là 0 VND. Trong đó, giá trị thanh lý lớn nhất phát sinh từ nghiệp vụ chuyển nhượng hàng tồn kho đi kèm với hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất và quyền thuê đất cho Công ty TNHH Zhuoyingshe Việt Nam (chi tiết tại Thuyết minh 4.10). Đồng thời, do không còn số dư hàng hóa tại ngày khóa sổ, Công ty đã thực hiện hoàn nhập/xử lý toàn bộ khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ đầu năm với số tiền là 1.250.429.927 VND.

4.9 Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 (Trình bày lại) VND
Ngắn hạn		
Chi phí thuê mái nhà xưởng	130.369.192	100.376.069
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	53.938.239	83.036.315
Cộng	184.307.431	183.412.384
Dài hạn		
Chi phí thuê đất (i)	3.028.255.104	3.137.054.688
Chi phí bảo trì, sửa chữa	86.040.586	131.019.065
Chi phí trả trước dài hạn khác	102.325.843	325.256.012
Cộng	3.216.621.533	3.593.329.765

(i) Giá trị còn lại của Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp Long Thành Đồng Nai liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất và chuyển giao quyền thuê đất với Công ty TNHH Zhuoyingshe Việt Nam. Chi tiết xem tại thuyết minh 4.10 "Tài sản cố định hữu hình".

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỷ, Số 4 Quang Trung, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**4.10 Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2025	19.725.100.597	48.029.333.873	1.554.832.727	77.350.000	69.386.617.197
Mua sắm (i)	12.000.000.000	-	-	-	12.000.000.000
XDCB hoàn thành	137.894.723	-	-	-	137.894.723
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	2.163.052.867	-	-	2.163.052.867
Thanh lý, nhượng bán (ii)	(19.418.358.114)	(15.745.549.047)	(250.000.000)	-	(35.413.907.161)
Tại ngày 31/12/2025	12.444.637.206	34.446.837.693	1.304.832.727	77.350.000	48.273.657.626
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2025	13.277.975.229	18.305.039.058	957.762.058	77.350.000	32.618.126.345
Khấu hao	280.537.938	1.949.896.709	149.267.664	-	2.379.702.311
Khấu hao TSCĐ thuê tài chính chuyển sang	-	1.550.243.154	-	-	1.550.243.154
Thanh lý, nhượng bán (ii)	(13.114.918.849)	(6.712.640.198)	(250.000.000)	-	(20.077.559.047)
Điều chỉnh khác	-	(12.980.375)	-	-	(12.980.375)
Tại ngày 31/12/2025	443.594.318	15.079.558.348	857.029.722	77.350.000	16.457.532.388
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	6.447.125.368	29.724.294.815	597.070.669	-	36.768.490.852
Tại ngày 31/12/2025	12.001.042.888	19.367.279.345	447.803.005	-	31.816.125.238

Tại ngày 31/12/2025, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 5.742.528.069 VND (tại ngày 01/01/2025 là 21.271.718.312 VND).

Công ty đã thế chấp các tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2025 là 15.852.094.317 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.10 Tài sản cố định hữu hình (tiếp)

- (i) Đây là tài sản gắn liền trên đất mua theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Công ty TNHH DH Asset – Bên liên quan. Chi tiết xem tại thuyết minh 4.4 "Trả trước cho người bán ngắn hạn".
- (ii) Ngày 01/06/2025, Đại hội đồng cổ đông ban hành Nghị quyết số 0106/2025/NQ-ĐHĐCĐ phê duyệt việc tiếp tục thực hiện kế hoạch chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Khu công nghiệp Long Thành. Ngày 09/08/2025, Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 0908/2025/NQ-HĐQT thông qua việc triển khai giao dịch và thanh lý các tài sản liên quan.

Ngày 10/08/2025, Công ty ký hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất và chuyển giao quyền thuê đất cho Công ty TNHH Zhuoyingshe Việt Nam với tổng giá trị chuyển nhượng 90 tỷ đồng (chưa bao gồm VAT), bao gồm:

- Tài sản gắn liền với đất: 18 tỷ đồng
- Hệ thống năng lượng mặt trời và vật tư phụ kiện: 12 tỷ đồng
- Quyền thuê đất: 60 tỷ đồng

Giá vốn liên quan đến phần tài sản gắn liền với đất bao gồm:

- Nguyên giá tài sản cố định: 32.298.950.758 VND
- Hao mòn lũy kế: 19.827.559.047 VND
- Giá trị còn lại: 12.471.391.711 VND
- Giá trị hàng tồn kho liên quan: 9.863.089.913 VND.

Các khoản nguyên giá và hao mòn nêu trên được bao gồm trong số liệu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định trình bày tại Thuyết minh 4.10 – Tài sản cố định hữu hình, cùng với các giao dịch thanh lý khác phát sinh trong năm, do đó không nhằm mục đích trực tiếp với số tổng cộng tại thuyết minh này.

Giao dịch chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất được thực hiện trong quý 3/2025; chuyển nhượng quyền thuê đất trong quý 1/2026. Ngày 14/01/2026, Công ty ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê lại đất với Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành; hiệu lực chuyển nhượng quyền thuê đất phát sinh từ ngày này.

Tại ngày 31/12/2025, số dư và giao dịch với Công ty TNHH Zhuoyingshe Việt Nam gồm:

- Khoản phải thu liên quan đến tài sản gắn liền với đất và hệ thống năng lượng mặt trời, vật tư phụ kiện : 33,33 tỷ VND
- Khách hàng đã thanh toán: 85,5 tỷ VND
- Do đó, số dư Người mua trả tiền trước là : 52,17 tỷ VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.11 Tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2025	3.984.944.715	3.984.944.715
Giảm do chuyển sang TSCĐ	(3.984.944.715)	(3.984.944.715)
Tại ngày 31/12/2025	-	-
HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2025	2.973.128.117	2.973.128.117
Trích khấu hao	412.145.885	412.145.885
Giảm do chuyển sang TSCĐ	(3.385.274.002)	(3.385.274.002)
Tại ngày 31/12/2025	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2025	1.011.816.598	1.011.816.598
Tại ngày 31/12/2025	-	-

4.12 Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (i) VND	Chương trình phần mềm VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2025 (Trình bày lại)	348.000.000	711.158.600	84.949.500	1.144.108.100
Tại ngày 31/12/2025	348.000.000	711.158.600	84.949.500	1.144.108.100
HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2025 (Trình bày lại)	-	711.158.600	84.949.500	796.108.100
Tại ngày 31/12/2025	-	711.158.600	84.949.500	796.108.100
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2025	348.000.000	-	-	348.000.000
Tại ngày 31/12/2025	348.000.000	-	-	348.000.000

Tại ngày 31/12/2025, nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 796.108.100 VND (tại ngày 01/01/2025 là 796.108.100 VND).

(i) Đây là giá trị quyền sử dụng đất theo Hợp đồng chuyển nhượng số 0111/CN-SAMETEL ngày 14/11/2007 và Hợp đồng số 0211/CN-SAMETEL ngày 26/11/2007. Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhà tập thể Long Thành với nguyên giá 348.000.000 VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Mua sắm tài sản cố định	29.800.000.000	-
Quyền sử dụng đất (i)	29.800.000.000	-
Xây dựng cơ bản dở dang	-	46.296.296
Công trình Nhà xưởng sản xuất giai đoạn 2	-	46.296.296
Cộng	29.800.000.000	46.296.296

(i) Đây là giá trị quyền sử dụng đất theo Hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất với Công ty TNHH DH Asset – Bên liên quan. Chi tiết xem tại thuyết minh 4.4 "Trả trước cho người bán ngắn hạn". Tại 31/12/2025, Công ty chưa hoàn tất thủ tục pháp lý và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1782
CÔNG
TY TNHH
DANH
VIỆT
HÀ NỘI
PHỐ

N:3600
CỔ
CỔ
SAI
METEL

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

Tầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỳ, Số 4 Quang Trung, Phường Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**4.14 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
----------------------------	----------------------------

	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	6.750.000.000		-	-		-
Công ty Cổ phần Đầu tư Global Minds Fund I (i)	6.750.000.000		-	-		-
Cộng	6.750.000.000		-	-		-

(i) Khoản đầu tư này bao gồm 675.000 cổ phiếu ưu đãi hoàn lại, tương ứng 33,33% vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư Global Minds Fund I. Các cổ phiếu này không có quyền biểu quyết, do đó Công ty không có quyền tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị được đầu tư. Vì vậy, khoản đầu tư được phân loại và ghi nhận là đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, không được xem là khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn và quy định về cách tính giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá.



 NG T
 PHẦ
 IETE
 5073
 HA
 NH
 T
 00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.15 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Phải trả bên liên quan	20.000.000.000	64.986.978
Công ty CP Thiết bị điện Thảo Nguyễn	-	64.986.978
Công ty TNHH DH Asset (i)	20.000.000.000	-
Phải trả người bán bên thứ ba	5.255.218.626	8.665.094.061
Công ty Cổ phần VKC Holdings	3.236.105.523	3.236.105.523
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiết bị điện An Phú	1.105.934.701	1.105.934.701
Công ty CP Kra Group	-	1.192.311.896
Công ty khác	913.178.402	3.130.741.941
Cộng	25.255.218.626	8.730.081.039

(i) Khoản phải trả Công ty TNHH DH Asset (bên liên quan) phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh 4.4 – “Trả trước cho người bán ngắn hạn”.

4.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Bên thứ ba trả tiền trước	52.252.083.914	1.386.849.611
Công ty TNHH Zhuoyingshe Việt Nam (i)	52.171.211.025	-
Công ty Cổ phần Đầu tư MEC Việt Nam	-	873.827.200
Công ty khác	80.872.889	513.022.411
Cộng	52.252.083.914	1.386.849.611

(i) Khoản người mua trả tiền trước liên quan đến Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất và chuyển giao quyền thuê đất với Công ty TNHH Zhuoyingshe Việt Nam (tham chiếu Thuyết minh 4.10 – Tài sản cố định hữu hình).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.17 Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2025 VND	Tại ngày 01/01/2025 VND
Kinh phí công đoàn	31.927.600	22.553.800
Bảo hiểm xã hội	-	38.398.200
Điều chỉnh thuế GTGT phải nộp (i)	2.175.949.475	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	176.044.500	1.564.390.230
Phải trả phải nộp khác	323.578.209	123.674.511
Cộng	2.707.499.784	1.749.016.741

(i) Trong năm, Công ty phát hiện chênh lệch giữa số thuế GTGT phải nộp theo sổ kế toán và số liệu trên các tờ khai thuế GTGT đã nộp. Theo đó, Công ty đã thực hiện điều chỉnh tạm thời phần chênh lệch này sang khoản phải trả khác nhằm phù hợp với số liệu kê khai thuế. Công ty hiện đang làm việc với cơ quan Thuế để làm rõ nguyên nhân chênh lệch và sẽ thực hiện xử lý, điều chỉnh theo kết quả làm việc trong thời gian tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.18 Thuế và các khoản khác phải nộp, phải thu Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2025		Trong năm		Tại ngày 31/12/2025	
	Số dư	VND	Tăng	VND	Khấu trừ	Số dư
Thuế GTGT được khấu trừ	-		3.903.866.070		2.999.255.367	904.610.703
Thuế giá trị gia tăng đầu ra (i)	-	3.268.560.779	14.612.051.410		5.343.490.631	6.000.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.385.414.874	2.508.877.385		123.462.511	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	169.235.108	65.234.626		161.660.870	265.661.352
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000		6.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	91.598.427		91.598.427	-
Cộng	-	5.823.210.761	17.283.761.848		5.726.212.439	265.661.352

(i) Số dư thuế GTGT đầu ra tại ngày 31/12/2025 bao gồm khoản thuế GTGT đã nộp theo Hóa đơn GTGT số 00000066 ngày 30/09/2025 liên quan đến thuế GTGT của giá trị chuyển nhượng quyền thuê đất theo Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất và chuyển giao quyền thuê đất ký với Công ty TNHH Zhuoyingshe Việt Nam.

Do giao dịch chuyển nhượng chưa hoàn tất tại ngày kết thúc năm tài chính, khoản thuế đã nộp này được ghi nhận làm phát sinh số dư thuế GTGT đầu ra trình bày dư Nợ tại ngày 31/12/2025. Giao dịch đã hoàn tất vào tháng 01/2026 và khoản thuế liên quan sẽ được bù trừ với nghĩa vụ thuế phát sinh tương ứng. Chi tiết giao dịch được trình bày tại Thuyết minh 4.10 – “Tài sản cố định hữu hình”.

STET
SA
C
Q
C
560
CH
HÀ
4/P
I VI
TOÁ
TN
ON
617

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

Tầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỳ, Số 4 Quang Trung, P. Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**4.19 Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 01/01/2025		Trong năm		Tại ngày 31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	20.637.066.942	20.637.066.942	102.840.251.857	114.172.328.337	9.304.990.462	9.304.990.462
Bên thứ ba	20.637.066.942	20.637.066.942	102.840.251.857	114.172.328.337	9.304.990.462	9.304.990.462
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch (i)	20.637.066.942	20.637.066.942	29.357.087.993	46.304.020.973	3.690.133.962	3.690.133.962
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Kafi (iii) thương	-	-	36.858.497.667	31.243.641.167	5.614.856.500	5.614.856.500
	-	-	36.624.666.197	36.624.666.197	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	3.075.582.156	3.075.582.156	1.974.501.876	2.525.042.016	2.525.042.016	2.525.042.016
Bên thứ ba	3.075.582.156	3.075.582.156	1.974.501.876	2.525.042.016	2.525.042.016	2.525.042.016
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN TP. Hồ Chí Minh (ii)	3.075.582.156	3.075.582.156	1.974.501.876	2.525.042.016	2.525.042.016	2.525.042.016
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	787.714.537	787.714.537	-	787.714.537	-	-
Bên thứ ba	787.714.537	787.714.537	-	787.714.537	-	-
- Công ty TNHH MTV Ngân hàng Công Thương Việt Nam	787.714.537	787.714.537	-	787.714.537	-	-
Cộng	24.500.363.635	24.500.363.635	104.814.753.733	117.485.084.890	11.830.032.478	11.830.032.478
Vay dài hạn	5.116.543.895	5.116.543.895	-	1.974.501.876	3.142.042.019	3.142.042.019
Bên thứ ba	5.116.543.895	5.116.543.895	-	1.974.501.876	3.142.042.019	3.142.042.019
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN TP. Hồ Chí Minh (ii)	5.116.543.895	5.116.543.895	-	1.974.501.876	3.142.042.019	3.142.042.019
Cộng	5.116.543.895	5.116.543.895	-	1.974.501.876	3.142.042.019	3.142.042.019

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

Tầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỷ, Số 4 Quang Trung, P. Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**4.19 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp)**

Chi tiết các khoản vay còn số dư Tại ngày 31/12/2025 như sau:

Bên cho vay	Hợp đồng	Số tiền vay (VND)	Hạn mức vay (VND)	Lãi suất (%/năm)	Thời hạn vay	Mục đích vay	Tài sản thế chấp
(i) Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nhơn Trạch	01/2025/HBCVHM - /NHCT681-SAMETEL ngày 05/5/2025	3.690.133.962	30.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 06 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	- Số dư tiền tài khoản thanh toán của Công ty, - Phương tiện vận tải thuộc sở hữu của Công ty TNHH DH Asset
(ii) Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN TP. Hồ Chí Minh	47/2020/HDTD/NO H/02 ngày 28/09/2020	2.582.084.035	9.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ	84 tháng	Thanh toán các chi phí đầu tư dự án điện mặt trời áp mái, tại huyện Trảng Bom, Đồng Nai	- Toàn bộ tài sản, quyền tài sản và các quyền, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển, khai thác, tiêu thụ sản phẩm tại dự án; - Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Công ty và Công ty Điện lực Đồng Nai hoặc Công ty con hoặc Chi nhánh của Công ty Điện lực Đồng Nai
	47/2020/HDTD/NO H/03 ngày 11/05/2021	3.085.000.000	9.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ	84 tháng	Thanh toán các chi phí đầu tư dự án điện mặt trời áp mái, tại huyện Càn Đức, Long An	- Quyền khai thác và quản lý dự án, bao gồm quyền sử dụng, hưởng lợi và lợi tức phát sinh; - Nguồn thu, thu nhập và giá trị gia tăng từ dự án hoặc từ các quyền liên quan; - Quyền nhận toàn bộ khoản thanh toán liên quan đến dự án: thu nhập, bồi hoàn, hoàn trả, phạt vi phạm,... - Tài sản hữu hình và vô hình gắn liền với dự án; - Quyền đòi nợ (gốc, lãi, phạt, bồi thường) theo Hợp đồng số 20/ĐMT58502 ngày 25/12/2020 với Tổng Công ty Điện lực Miền Nam ~ TNHH Điện lực Càn Đức, với tổng giá trị thanh toán là 62,52 tỷ đồng.

(iii) Khoản vay margin Công ty Cổ phần Chứng khoán Kafi ngày 30/12/2025 với thời hạn vay 3 tháng, lãi suất 12%, mục đích để Công ty thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SAMETEL

Tầng 9, Tòa tháp Thiên Niên Kỳ, Số 4 Quang Trung, P. Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**4.20 Vốn chủ sở hữu****4.20.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	chưa phân phối (Lỗ) lũy kế VND	LNST VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2024 (Trình bày lại)	54.674.320.000	3.816.120.000	6.929.018.235	2.745.422.579	68.164.880.814	
(Lỗ) trong năm (Trình bày lại)	-	-	-	(1.112.689.871)	(1.112.689.871)	
Tại ngày 31/12/2024 (Trình bày lại)	54.674.320.000	3.816.120.000	6.929.018.235	1.632.732.708	67.052.190.943	
Tại ngày 01/01/2025	54.674.320.000	3.816.120.000	6.929.018.235	1.632.732.708	67.052.190.943	
Góp vốn (i)	10.933.070.000	(3.816.120.000)	(6.929.018.235)	(187.931.765)	-	
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(6.072.001.925)	(6.072.001.925)	
Trả cổ tức (ii)	-	-	-	(2.733.716.000)	(2.733.716.000)	
Tại ngày 31/12/2025	65.607.390.000	-	-	(7.360.916.982)	58.246.473.018	

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 01/01/2024 trình bày lại do điều chỉnh hồi tố liên quan đến truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2017 đến năm 2024. Tham chiếu Thuyết minh 7.3 Số liệu so sánh.

(i) Ngày 01/06/2025 Đại hội đồng cổ đông ban hành Nghị quyết số 0106/2025/NQ-ĐHĐCĐ thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2024 và phương án tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu hiện hữu. Chi tiết như sau:

Nội dung	Giá trị (VND)
Chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền (5%)	2.773.716.000
Phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu hiện hữu, từ:	10.933.070.000
- Thặng dư vốn cổ phần	3.816.120.000
- Quỹ đầu tư phát triển	6.929.018.235
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	187.931.765

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.20 Vốn chủ sở hữu (tiếp)

4.20.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 31/12/2025		Tại ngày 01/01/2025 (Trình bày lại)	
	VND	%	VND	%
Bà Trần Thị Thùy Dương	9.313.200.000	14,20	7.961.000.000	14,56
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	2.981.200.000	4,54	3.076.000.000	5,63
Các cổ đông khác	53.312.990.000	81,26	43.637.320.000	79,81
Cộng	65.607.390.000	100	54.674.320.000	100

4.20.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.560.739	5.467.432
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.560.739	5.467.432
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	6.560.739	5.467.432
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.560.739	5.467.432
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	6.560.739	5.467.432
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

4.20.4 (Lỗ) cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
(Lỗ)/lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(6.072.001.925)	1.076.771.745
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.719.042	5.467.432
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	(1.062)	197

Hiện tại, Công ty xác định chưa có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu bằng với (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu.

2025
KIỂM
S.M
-C
V. ANH
AN:360
CI
CI
SA
METEL

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa (i)	24.573.789.725	64.539.439.029
Doanh thu bán thành phẩm	29.158.484	24.111.569.405
Doanh thu cung cấp điện năng lượng mặt trời	6.482.592.151	6.892.919.150
Doanh thu dịch vụ khác	52.500.000	3.252.525.253
Cộng	31.138.040.360	98.796.452.837

(i) Doanh thu bán hàng hóa trong năm giảm so với năm trước chủ yếu do Công ty điều chỉnh định hướng hoạt động kinh doanh, thu hẹp các hoạt động thương mại hàng hóa nhằm tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực kinh doanh trọng tâm khác. Việc thay đổi định hướng này, cùng với diễn biến nhu cầu thị trường, đã dẫn đến mức doanh thu bán hàng hóa ghi nhận trong năm thấp hơn so với năm trước.

5.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	32.759.248.310	59.794.098.648
Giá vốn thành phẩm	120.650.491	23.808.308.280
Giá vốn cung cấp điện năng lượng mặt trời	1.939.094.125	1.987.222.800
Giá vốn dịch vụ khác	40.000.000	914.923.800
Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	(1.250.429.927)	(1.967.463.239)
Cộng	33.608.562.999	84.537.090.289

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	727.119.776	48.485.300
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	1.878.051.809	-
Cộng	2.605.171.585	48.485.300

51789.
ÔNG T
TNHH
OÁN & T
VIỆT
HI NHẢ
HÀ NỘ
PHỐ

850734

ÔNG T
CỔ PHẦN
SAMETE

CORPO

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	2.353.392.600	3.169.531.717
Lỗ do bán chứng khoán kinh doanh	2.460.405.000	106.633.187
Dự phòng giảm giá CK kinh doanh	50.000.000	-
Các khoản khác	311.940.420	-
Cộng	5.175.738.020	3.276.164.904

5.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	517.994.485	928.754.210
Chi phí dụng cụ đồ dùng	246.610.842	266.833.778
Chi phí khấu hao tài sản	20.498.052	60.097.340
Chi phí bảo hành	-	234.946.380
Chi phí dịch vụ mua ngoài	323.113.491	837.836.484
Chi phí khác bằng tiền	248.219.670	514.452.223
Cộng	1.356.436.540	2.842.920.415

5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	979.273.664	1.023.978.488
Chi phí vật liệu văn phòng	18.522.136	87.524.711
Chi phí khấu hao tài sản	320.075.119	1.034.616.414
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	7.073.727.008	686.552.993
Thuế và các khoản lệ phí	6.778.284	7.207.795
Chi phí dịch vụ mua ngoài	927.431.863	893.232.218
Chi phí khác bằng tiền	356.834.013	530.024.563
Cộng	9.682.642.087	4.263.137.182

201-C
Y
VIỆT NAM
NH
I
HA NỘI

VIỆT NAM
L
ATION

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.7 Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	9.204.782.735	-
Thu nhập từ xử lý công nợ phải trả lâu ngày (i)	1.236.763.714	-
Thu nhập từ xử lý cổ tức lâu ngày (ii)	1.539.737.737	-
Các khoản khác	38.399.218	11.579.701
Cộng	12.019.683.404	11.579.701

Thu nhập từ xử lý công nợ phải trả bao gồm: (i) các khoản phải trả nhà cung cấp với giá trị 1.236.763.714 đồng liên quan đến các đối tác đã ngừng hoạt động; và (ii) khoản cổ tức phải trả phát sinh từ các năm trước với giá trị 1.539.737.737 đồng, mà Công ty đánh giá không còn nghĩa vụ thanh toán. Việc xử lý các khoản công nợ này được thực hiện căn cứ theo các nghị quyết và quyết định có liên quan của cấp có thẩm quyền trong Công ty.

5.8 Chi phí khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý, nhượng bán	-	781.610.841
Các khoản bị phạt (i)	1.810.605.185	941.512.223
Các khoản khác	200.912.443	516.310.915
Cộng	2.011.517.628	2.239.433.979

(i) Đây chủ yếu là các khoản phạt theo Biên bản thanh tra thuế giai đoạn 2017 - 2020 ngày 28/02/2025 và Biên bản thanh tra thuế giai đoạn 2021 - 2024 ngày 28/10/2025 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và (lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh :

	Năm 2025 VND	Năm 2024 (Trình bày lại) VND
(Lỗ) kế toán trước thuế	(6.072.001.925)	1.396.187.515
Các khoản điều chỉnh	4.259.246.997	2.941.525.301
Chi phí không được trừ	327.936.726	1.221.946.368
Các khoản phạt chậm nộp	1.687.142.674	235.862.773
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.250.429.927)	772.538.177
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	1.141.204.924	711.177.983
Chi phí lãi vay không được trừ năm nay (i)	2.353.392.600	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(1.812.754.928)	4.337.712.816
Thu nhập tính thuế của năm	(1.812.754.928)	4.337.712.816
Thu nhập chịu thuế áp dụng thuế suất ưu đãi	1.657.704.389	4.385.067.630
Thu nhập chịu thuế áp dụng thuế suất phổ thông	(3.470.459.317)	(47.354.815)
Thuế suất ưu đãi (%)	10%	10%
Thuế suất phổ thông (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong năm	-	438.506.763
Giảm thuế phải nộp theo ưu đãi miễn TNDN 4 năm, giảm 10% trong 9 năm tiếp theo khoản 1 điều 16 NĐ 218/2013/NĐ-CP	-	(237.476.727)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu kỳ trước	-	118.385.734
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	-	319.415.770
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2.385.414.874	149.840.100
Điều chỉnh số dư thuế TNDN phải nộp năm trước	123.462.511	2.189.461.615
Thuế TNDN đã trả trong năm	(2.508.877.385)	(273.302.611)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	2.385.414.874

(i) Các khoản chi phí lãi vay tạm thời không được trừ được phép chuyển tiếp vào các năm tiếp theo nhưng không quá 05 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp)

(i) Đây là chi phí lãi vay vượt ngưỡng theo quy định của Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020. Bảng theo dõi chi phí lãi vay không được trừ như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lãi vay không được trừ đến năm	Tình trạng kiểm tra thuế	Chi phí lãi vay không được trừ trong năm VND	Chi phí lãi vay không được trừ chưa sử dụng tính đến 01/01/2025 VND	Chuyển chi phí lãi vay không được trừ trong năm VND	Không còn hiệu lực VND	Chưa sử dụng đến ngày 31/12/2025 VND
2025	2030	Chưa QT	2.353.392.600	-	-	-	2.353.392.600
Cộng			2.353.392.600	-	-	-	2.353.392.600

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 05 năm tính từ năm tiếp theo sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Chi tiết các khoản đã chuyển trong năm và các khoản lỗ tính thuế còn lại ước tính để chuyển lỗ như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Tình trạng kiểm tra thuế	Lỗ tính thuế (i) VND	Lỗ chưa sử dụng đến ngày 01/01/2025 VND	Chuyển lỗ trong năm VND	Không còn hiệu lực VND	Chưa sử dụng đến ngày 31/12/2025 VND
2025	2030	Chưa QT	1.812.754.928	-	-	-	1.812.754.928
Cộng lỗ tính thuế			1.812.754.928	-	-	-	1.812.754.928

(i) Lỗ tính thuế được ghi nhận theo biên bản quyết toán thuế hoặc theo tờ khai thuế của Công ty.

Khoản lỗ thực tế có thể được mang sang để khấu trừ phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế địa phương.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận cho khoản lỗ tính thuế 1.812.754.928 VND được quyền chuyển sang năm sau do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

178
ĐNG
TNH
YÁN
VIỆT
II NH
À N
PHỐ

50734

NG TY
PHÂN
MTE

CORPOR

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân công	1.525.820.371	2.837.938.411
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	32.898.420.937	57.237.181.154
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	246.610.842	275.096.285
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.900.647.780	3.438.912.760
Chi phí phân bổ từ việc bán và thuê lại tài sản tài chính	(1.251.173.040)	(1.029.541.240)
Thuế và các khoản lệ phí	6.778.284	7.207.795
Chi phí dịch vụ bảo hành	-	234.946.380
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.891.895.688	4.610.502.072
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.250.429.927)	(1.967.463.239)
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	7.073.727.008	686.552.993
Chi phí khác bằng tiền	605.343.683	1.104.890.703
Cộng	44.647.641.626	67.436.224.074

6. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Dịch vụ (VND)	Thương mại (VND)	Tổng cộng (VND)
Doanh thu bán ra	6.535.092.151	24.602.948.209	31.167.198.844
Giảm trừ doanh thu	-	-	-
Doanh thu thuần	6.535.092.151	24.602.948.209	31.167.198.844
Giá vốn hàng bán	1.979.094.125	32.879.898.801	34.979.643.417
Lợi nhuận gộp	4.555.998.026	(8.276.950.592)	(3.812.444.573)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Thiết bị điện Thảo Nguyên	Bên liên quan với thành viên HĐQT
Công ty TNHH FAFA Việt Nam	Bên liên quan với thành viên HĐQT
Công ty TNHH DH Asset	Cổ đông chiếm 4,68%
Bà Hoàng Thị Bích Thảo	Cổ đông chiếm 4,32%, là người đại diện pháp luật của Công ty TNHH DH Asset
Ông Nguyễn Hoàn Lâm	Cổ đông chiếm 4,96%, là chồng của Bà Hoàng Thị Bích Thảo
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Cổ đông chiếm 4,54%, là em gái của Bà Hoàng Thị Bích Thảo
Công ty TNHH DH Năng lượng	Bà Hoàng Thị Bích Thảo là người đại diện theo pháp luật của Công ty
Cổ đông lớn, Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty	

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Bán hàng

	<u>Năm 2025</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>
Công ty TNHH Thiết bị điện Thảo Nguyên	-	9.880.403.187
Công ty TNHH DH Năng lượng	351.093.308	-
Cộng	351.093.308	9.880.403.187

Mua tài sản cố định

	<u>Năm 2025</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2024</u> <u>VND</u>
Công ty TNHH DH Asset	41.800.000.000	-
Cộng	41.800.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

7.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp)

Giao dịch khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bà Vũ Thị Phương		
- Tạm ứng	1.695.000.000	1.919.530.300
- Hoàn ứng	1.845.000.000	1.870.241.900
Cổ tức nhận được		
- Bà Trần Thị Thùy Dương	388.050.000	-
- Bà Hoàng Thị Bích Thảo	102.700.000	-
- Ông Nguyễn Hoàn Lâm	135.500.000	-
- Bà Hoàng Thị Thu Hiền	128.800.000	-
- Công ty TNHH DH Asset	127.850.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	287.848.492	279.572.103
Bà Vũ Thị Phương - Tổng Giám đốc	287.848.492	279.572.103
Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị	-	-
Ông Nguyễn Đông Hưng - Chủ tịch	-	-
Ông Nguyễn Ngọc Huy - Thành viên HĐQT	-	-
Ông Đỗ Tự Cường - Thành viên HĐQT	-	-
Bà Trần Thùy Linh - Thành viên HĐQT	-	-
Cộng	287.848.492	279.572.103

Số dư với các bên liên quan

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh 4.3 "Phải thu ngắn hạn của khách hàng";
- Thuyết minh 4.4 "Trả trước cho người bán ngắn hạn";
- Thuyết minh 4.6 "Phải thu khác";
- Thuyết minh 4.7 "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi";
- Thuyết minh 4.15 "Phải trả người bán ngắn hạn".

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngày 10/08/2025, Công ty Cổ phần Sametel ký hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất và chuyển giao quyền thuê đất tại Khu công nghiệp Long Thành, tỉnh Đồng Nai cho Công ty TNHH Zhuoyingshe Việt Nam với giá trị chuyển nhượng quyền thuê đất là 60 tỷ đồng (chưa bao gồm VAT), liên quan đến thửa đất số 93 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 00005062 cấp ngày 16/01/2025. Ngày 14/01/2026, Công ty thực hiện thanh lý hợp đồng thuê lại đất với Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành và ngày 15/01/2026 công bố thông tin về việc hoàn tất giao dịch chuyển nhượng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

7.3 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Một số chỉ tiêu trên số liệu so sánh của Báo cáo tài chính năm nay được điều chỉnh hồi tố cho những sai sót và điều chỉnh tiền truy thu thuế TNDN từ những năm trước để phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được trình bày lại theo phương pháp gián tiếp để thông tin tài chính được trình bày phù hợp với số liệu năm 2025.

Trình bày hồi tố một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh (VND)	Điều chỉnh (VND)	Số liệu sau điều chỉnh (VND)
Tài sản cố định vô hình (i)	227	3.485.054.688	(3.137.054.688)	348.000.000
- Nguyên giá	228	6.257.688.564	(5.113.580.464)	1.144.108.100
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(2.772.633.876)	1.976.525.776	(796.108.100)
Chi phí trả trước dài hạn (i)	261	456.275.077	3.137.054.688	3.593.329.765
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (ii)	313	3.515.363.412	2.307.847.349	5.823.210.761
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (ii)	421	3.940.580.057	(2.307.847.349)	1.632.732.708
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	2.745.422.579	(2.189.461.615)	555.960.964
- LNST chưa phân phối năm này	421b	1.195.157.478	(118.385.734)	1.076.771.744

Trình bày hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh (VND)	Điều chỉnh (VND)	Số liệu sau điều chỉnh (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (ii)	51	201.030.036	118.385.734	319.415.770

(i) Điều chỉnh chi phí thuế đất Khu công nghiệp không đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ vô hình

(ii) Hồi tố tiền truy thu thuế TNDN từ năm 2017 đến năm 2023 là 2.189.461.615 VND, truy thu thuế TNDN năm 2024 là 118.385.734 VND theo Biên bản thanh tra thuế giai đoạn 2017 - 2020 ban hành ngày 28/02/2025 và Biên bản thanh tra thuế giai đoạn 2021 - 2024 ban hành ngày 28/10/2025 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.



Vũ Thị Phương
Tổng Giám đốc
Ngày 11 tháng 2 năm 2026

Nguyễn Tuyết Phương
Phụ trách kế toán

Nguyễn Tuyết Phương
Người lập